

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGÔ QUYỀN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2020/DS-ST

Ngày 21-7-2020

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Hào

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Bấm

Ông Vũ Đức Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hà Phương - Thư ký Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Lương Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2020/TLST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2020/QĐST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A; địa chỉ trụ sở: Đường N, Phường N, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Bùi Thị L; nơi cư trú: Xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng và bà Lương Thị Ngọc H1; nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 20/UQ-SHP.19 ngày 16/10/2019); có mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Việt T; nơi cư trú: Đường L, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Trần Thị Mai H; nơi cư trú: Đường L, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 16 tháng 10 năm 2019, nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (sau đây gọi là A) và anh Trần Việt T ký Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số SHP.CN.831.151116 ngày 15/11/2016, theo đó A cho anh Trần Việt T vay số tiền 130.000.000 đồng; phương thức giải ngân: chuyển toàn bộ số tiền vay vào tài khoản tiền gửi thanh toán số 138748959 của anh Trần Việt T tại A - phòng giao dịch Ngô Quyền; thời hạn cho vay: 30 tháng kể từ ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền vay (từ ngày 15/11/2016 đến ngày 15/5/2019); phương thức cho vay: cho vay từng lần; mục đích cho vay: UIL - Tiêu dùng tín chấp - Hỗ trợ tiêu dùng - Mua sắm vật dụng sinh hoạt tiêu dùng gia đình; lãi suất trong hạn là 10%/năm; lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn.

Khoản nợ được chị Trần Thị Mai H bảo lãnh theo Giấy cam kết về việc trả nợ ngày 15/11/2016. Theo nội dung Giấy cam kết, chị Trần Thị Mai H đồng ý cùng trả nợ với bên được cấp tín dụng là anh Trần Việt T theo đúng kỳ hạn và các nội dung khác của hợp đồng tín dụng, phụ lục hợp đồng, khế ước nhận nợ và các cam kết khác của bên được cấp tín dụng với A. Khi anh Trần Việt T không thực hiện được hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ (gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí, các khoản phải trả khác), chị Trần Thị Mai H có nghĩa vụ trả thay cho anh Trần Việt T các khoản nợ trên với A.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, anh Trần Việt T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngày 04/9/2018, A đã ra Thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ số tiền nợ còn lại của anh Trần Việt T.

Tính đến ngày 23/9/2019, anh Trần Việt T còn nợ A các khoản sau: Nợ gốc: 60.672.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 6.958.778 đồng; nợ lãi quá hạn: 9.328.320 đồng; phạt chậm trả: 1.200.000 đồng.

Nay, A khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh Trần Việt T phải trả cho cho A toàn bộ số tiền trên.

Anh Trần Việt T phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng cấp tín dụng kể từ ngày 24/9/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ trên. Nếu anh Trần Việt T không trả được các khoản nợ gốc, nợ lãi thì chị Trần Thị Mai H có nghĩa vụ liên đới trả nợ theo Giấy cam kết về việc trả nợ ngày 15/11/2016 chị Hương đã ký.

Trước khi Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 27/5/2020, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện. Theo đó, A có Bản tự khai yêu cầu Tòa án buộc anh Trần Việt T phải trả cho A toàn bộ số tiền tính đến ngày 27/5/2020 là 83.203.258 đồng, trong đó: Nợ gốc: 60.672.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 6.958.778 đồng; nợ lãi quá hạn: 15.572.480 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu anh Trần Việt T phải trả cho A toàn bộ số tiền tính đến ngày 21/7/2020 là 84.593.658 đồng, trong đó: Nợ gốc: 60.672.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 6.958.778 đồng; nợ lãi quá hạn: 16.926.880 đồng.

Anh Trần Việt T phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng cấp tín dụng kể từ ngày 22/7/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ trên. Nếu anh Trần Việt T không trả được các khoản nợ gốc, nợ lãi thì chị Trần Thị Mai H có nghĩa vụ liên đới trả nợ theo Giấy cam kết về việc trả nợ ngày 15/11/2016 chị Hương đã ký.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Việt T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Mai H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng anh Trần Việt T và chị Trần Thị Mai H đều vắng mặt không có lý do, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không ghi được lời khai của anh T, chị Hương và không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa, anh T và chị Hương đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên có ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, vi phạm quy định tại các điều 70, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 90; 91; 94; 95; 98 của Luật Các tổ chức tín dụng; các điều 471; 473; 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tính đến ngày 21/7/2020 tổng số tiền là 84.593.658 đồng, trong đó: Nợ gốc: 60.672.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 6.958.778 đồng; nợ lãi quá hạn: 16.962.880 đồng. Bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với số tiền nói trên kể từ ngày sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất được hai bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Trường hợp anh Trần Việt T không trả được nợ thì chị Trần Thị Mai H có trách nhiệm liên đới trả nợ theo Giấy cam kết về việc trả nợ ngày 15/11/2016. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền phạt chậm trả là 1.200.000 đồng. Về án phí, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; trả lại

nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

- Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về dân sự giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh là Ngân hàng Thương mại Cổ phần A và cá nhân là anh Trần Việt T không có mục đích lợi nhuận (tranh chấp về hợp đồng tín dụng) được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn cư trú trên địa bàn quận Ngô Quyền nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về áp dụng pháp luật nội dung:

[3] Việc ký kết Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số SHP.CN.831.151116 ngày 15/11/2016 giữa A và anh Trần Việt T được xác lập vào thời điểm năm 2013, đến nay có tranh chấp nên áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số SHP.CN.831.151116 ngày 15/11/2016 giữa A và anh Trần Việt T phù hợp với quy định tại các điều 121, 122 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Vì vậy, hợp đồng này là hợp pháp và làm phát sinh các quyền và nghĩa vụ giữa các bên, các bên phải có nghĩa vụ thực hiện các thỏa thuận đã giao kết trong hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định trong hợp đồng. Nay A yêu cầu anh Trần Việt T phải thanh toán khoản nợ theo Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số SHP.CN.831.151116 ngày 15/11/2016 tính đến ngày xét xử 21/7/2020 tổng số tiền là 84.593.658 đồng, trong đó: Nợ gốc: 60.672.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 6.958.778 đồng; nợ lãi quá hạn: 16.962.880 đồng. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của A, buộc anh Trần Việt T phải có nghĩa vụ

trả cho A tính đến ngày 21/7/2020 tổng số tiền là 84.593.658 đồng, trong đó: Nợ gốc: 60.672.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 6.958.778 đồng; nợ lãi quá hạn: 16.962.880 đồng. Nếu anh Trần Việt T không trả được nợ thì chị Trần Thị Mai H phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng anh T.

[5] Đối với quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền phạt chậm trả là 1.200.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy từ trước thời điểm Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn đã thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bị đơn phải trả số tiền phạt trên nên xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chỉ là đòi số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn theo Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số SHP.CN.831.151116 ngày 15/11/2016. Vì vậy, Hội đồng xét xử không tuyên đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền phạt chậm trả 1.200.000 đồng.

- Về án phí:

[6] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả cho nguyên đơn là: 84.593.658 đồng x 5% = 4.230.000 đồng (làm tròn). Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

- Về quyền kháng cáo:

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 121; Điều 122; Điều 361; các điều 471, 473, 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào các điều 90; 91; 94; 95; 98 của Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

1. Anh Trần Việt T phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A tổng số tiền nợ còn lại của Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số SHP.CN.831.151116 ngày

15/11/2016, tính đến ngày 21/7/2020 là 84.593.658 (tám mươi tư triệu, năm trăm chín mươi ba nghìn, sáu trăm năm mươi tám) đồng, trong đó:

Nợ gốc: 60.672.000 (sáu mươi triệu, sáu trăm bảy mươi hai nghìn) đồng;

Nợ lãi trong hạn: 6.958.778 (sáu triệu, chín trăm năm mươi tám nghìn, bảy trăm bảy mươi tám) đồng;

Nợ lãi quá hạn: 16.962.880 (mười sáu triệu, chín trăm sáu mươi hai nghìn, tám trăm tám mươi) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn anh Trần Việt T phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp anh Trần Việt T không thực hiện việc trả khoản nợ trên cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A thì chị Trần Thị Mai H phải liên đới trả khoản nợ trên cùng anh Trần Việt T.

3. Về án phí:

Anh Trần Việt T phải nộp 4.230.000 (bốn triệu, hai trăm ba mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.954.000 (một triệu, chín trăm năm mươi tư nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006290 ngày 24/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn anh Trần Việt T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Mai H được quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- Đường sự;
- Lưu : VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Hảo